

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HC-ST

Ngày: 27-3-2025

V/v: “Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lập

Bà Kiều Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 373/2024/TLST-HC ngày 24/12/2025 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HC ngày 11/3/2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lê Văn T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An là bà Nguyễn Thị Diễm Q – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979;

2/ Bà Bùi Thị Thanh N, sinh năm: 1984;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3/ Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

(Ông T có mặt; các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 20/11/2024 và lời trình bày của người khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có nội dung:

Vào ngày 29 tháng 10 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H thừa đất số 29, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.689,1 m², giấy chứng nhận số BP 094031 vào sổ cấp GCN: CH 01624. Nhưng thực tế thừa đất số 29, tờ bản đồ số 5, ông Lê Văn T là người quản lý, sử dụng. Ủy ban nhân dân huyện C cấp sai thừa đất trên cho ông H.

Phần đất của ông T được Ủy ban nhân dân huyện C cấp thừa số 136, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.356,7 m² là không đúng vị trí đất của ông T sử dụng, thực tế thừa đất này là do ông Nguyễn Văn N1 sử dụng.

Do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng người sử dụng đất. Ông T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đây:

Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 094031 cấp ngày 29/10/2014, vào sổ cấp GCN: CH 01624 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thanh N chỉ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có sử dụng.

Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp số BP 118648, cấp ngày 24/7/2013, vào sổ cấp GCN: CH 01088, thừa 136, tờ bản đồ số 5, thực tế cấp giấy cho ông Lê Văn T, còn phần đất do ông Nguyễn Văn N1 sử dụng.

Tại Văn bản số 309/UBND-NC ngày 05 tháng 02 năm 2025 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An có nội dung như sau:

Năm 2011 ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979 và bà Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1984 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thừa đất số 1458 tờ bản đồ số 2 diện tích 2681m² đất tọa lạc xã T do UBND huyện C cấp ngày 11/7/2011.

Năm 2014 ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thanh N được cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất từ thừa đất số 1458 tờ bản đồ số 2 thành thừa đất số 29 tờ bản đồ số 5 diện tích 2689,1 m² và được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BP 094031 đất tọa lạc xã T cấp ngày 09/10/2014; Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đất đai.

Năm 2013 ông Lê Văn T được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất từ thừa đất số 185 tờ bản đồ số 1 thành thừa đất số 136 tờ bản đồ số 5 diện tích 2356,7m² và được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BP 118648 đất tọa lạc xã T, cấp ngày 24/7/2013; Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo trình tự,

thủ tục quy định của pháp luật về đất đai.

Ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thanh N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 29 tờ bản đồ số 5, diện tích 2689,1 m² xã T cấp ngày 09/10/2014. Tuy nhiên, thực tế ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thanh N không có sử dụng mà do ông Lê Văn T sử dụng.

Ông Lê Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 136 tờ bản đồ số 5, diện tích 2356,7m² xã T cấp ngày 24/7/2013. Tuy nhiên, thực tế ông Lê Văn T không có sử dụng mà do ông Nguyễn Văn N1 sử dụng.

UBND huyện C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BP 094031 thửa đất số 29 tờ bản đồ số 5 diện tích 2689,1m² đã cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thanh N ngày 09/10/2014 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BP 118648 thửa đất số 136 tờ bản đồ số 5 diện tích 2356,7m² đã cấp cho ông Lê Văn T ngày 13/7/2013, đất tọa lạc xã T để các chủ sử dụng đất kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật về đất đai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N1 có lời trình bày có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Văn N1 xác định thửa đất 136, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An thực tế là do ông N1 quản lý, sử dụng nhưng UBND huyện C lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Ông N1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T là hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T đứng tên đối với thửa đất 136. Do bận công việc nên ông N1 xin vắng mặt trong các buổi đối thoại và xét xử của Tòa án.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H, bà Bùi Thị Thanh N có lời trình bày có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thanh N xác định thửa đất 29, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An thực tế là do ông T quản lý, sử dụng nhưng UBND huyện C lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà N. Ông H, bà N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T là hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông H, bà N đứng tên đối với thửa đất 29, tờ bản đồ số 5. Do bận công việc nên ông H, bà N xin vắng mặt trong các buổi đối thoại và xét xử của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định, về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền, Tòa án xác định đúng đối tượng, khi ông T khởi kiện là còn trong thời hiệu nên việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, căn cứ vào phần tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 094031 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thanh N vào ngày 29/10/2014 đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ 5, diện tích 2689,1 m², đất tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 118648 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Lê Văn T vào ngày 24/7/2013 đối với thửa đất số 136, tờ bản đồ 5, diện tích 2356,7 m², đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An:

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 094031 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thanh N vào ngày 29/10/2014 đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ 5, diện tích 2689,1 m², đất tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 118648 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Lê Văn T vào ngày 24/7/2013 đối với thửa đất số 136, tờ bản đồ 5, diện tích 2356,7 m², đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Đây là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Lê Văn T phát hiện việc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà N đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 5 và cho ông T đối với thửa đất 139, tờ bản đồ số 5 không đúng vị trí sử dụng vào đầu năm 2024, ngày 20/11/2024 ông T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, đại diện người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bao gồm các ông bà Nguyễn Văn N1, Nguyễn Văn H, Bùi Thị Thanh N có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử vắng mặt đối với người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[1.4] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thông báo cho các đương sự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và đối thoại, nhưng người khởi

kiện có đơn yêu cầu không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và đối thoại; Người bị kiện có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 135, 136 Luật Tố tụng hành chính Tòa án thu thập đầy đủ chứng cứ, không tiến hành đối thoại và đưa vụ án ra xét xử là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hình thức và thẩm quyền ban hành quyết định: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An: Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thanh N vào ngày 29/10/2014 đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn T vào ngày 24/7/2013 đối với thửa đất số 136, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An là căn cứ vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà N, ông T. Vì thế, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà N, ông T là đúng quy định về hình thức, thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định theo quy định của Luật đất đai.

[2.2] Về nội dung của quyết định hành chính:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa ông T cho rằng thửa đất số 29, tờ bản đồ số 5 ông T là người quản lý, sử dụng ổn định không phát sinh tranh chấp. Ông T xác định thửa đất số 29 có ranh giới rõ ràng với các thửa đất khác.

Qua xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thanh N thấy rằng: Vào ngày 29/10/2014 UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An cho ông H, bà N. Tuy nhiên, đối với thửa đất 29, tờ bản đồ số 5 ông H, bà N không trực tiếp quản lý sử dụng mà ông T là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà N đối với thửa đất số 29 là không đúng đối tượng theo quy định của Luật Đất đai.

Qua xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T thấy rằng: Vào năm 2013 ông T kê khai và được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 136, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 24/7/2013. Tuy nhiên, đối với thửa đất 136, tờ bản đồ số 5 ông T không trực tiếp quản lý sử dụng mà ông N1 là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T đối với thửa đất số 136 là không đúng đối tượng theo quy định của Luật Đất đai.

Nhận định trên phù hợp với lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N1 xác định: Thửa đất 136, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An thực tế là do ông N1 quản lý, sử dụng nhưng UBND huyện C lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Ông N1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T là hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T đứng tên đối với thửa đất 136. Phù hợp với lời trình bày của ông

Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thanh N có nội dung: Thửa đất 29, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An thực tế là do ông T quản lý, sử dụng nhưng UBND huyện C lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà N. Ông H, bà N đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T là hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông H, bà N đứng tên đối với thửa đất 29, tờ bản đồ số 5. Phù hợp với ý kiến của người bị kiện là UBND huyện C, tỉnh Long An có nội dung: Ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thanh N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 29 tờ bản đồ số 5, diện tích 2689,1 m² xã T cấp ngày 09/10/2014. Tuy nhiên, thực tế ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thanh N không có sử dụng mà do ông Lê Văn T sử dụng. Ông Lê Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 136 tờ bản đồ số 5, diện tích 2356,7m² xã T cấp ngày 24/7/2013. Tuy nhiên, thực tế ông Lê Văn T không có sử dụng mà do ông Nguyễn Văn N1 sử dụng. UBND huyện C đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BP 094031 thửa đất số 29 tờ bản đồ số 5 diện tích 2689,1m² đã cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thanh N ngày 09/10/2014 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BP 118648 thửa đất số 136 tờ bản đồ số 5 diện tích 2356,7m² đã cấp cho ông Lê Văn T ngày 24/7/2013, đất tọa lạc xã T để các chủ sử dụng đất kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật về đất đai. Phù hợp với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân tỉnh Long An lập ngày 09/01/2025 có nội dung: Thửa đất số 29 đang trồng thanh long, thanh long do ông T trồng. Hiện nay ông T đang quản lý, sử dụng một phần. Phần còn lại của thửa đất 29 là đất trống và 01 cái nhà tạm có kết cấu nền xi măng, mái tole, vách tole do ông N1 quản lý, sử dụng. Thửa đất 136 hiện trạng là ao do ông N1 quản lý, sử dụng.

Như vậy, có cơ sở xác định Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 29, tờ bản đồ số 5 cho ông H, bà N và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 136, tờ bản đồ số 5 cho ông T là không đúng với quy định của pháp luật là trái với quy định của Luật Đất đai. Từ những phân tích trên có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T là có căn cứ nên được chấp nhận, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện C cấp cho ông H, bà N đối với thửa đất 29 và cho ông T đối với thửa đất 136 như quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên tòa.

[2.3] Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay các đương sự không có yêu cầu tranh chấp về dân sự. Đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên ghi nhận nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý và đưa vụ án này ra xét xử theo thủ tục tố tụng hành chính là phù hợp.

[2.4] Về việc đo đạc thửa đất 29, tờ bản đồ số 5: Trong quá trình thu thập chứng cứ các đương sự đã xác định và thống nhất với nhau vị trí thửa đất 29, tờ bản đồ số 5 nên không cần thiết tiến hành đo đạc lại thửa đất 29.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.200.000 đồng, ông Lê Văn T đã nộp tạm ứng và tự nguyện chịu chi phí này, ông T đã nộp xong.

Về án phí: Ông Lê Văn T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của Điều 348 Luật Tố tụng hành chính và Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193; Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 50, 105 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 2, Điều 20, Điều 99, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 094031 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thanh N vào ngày 29/10/2014 đối với thửa đất số 29, tờ bản đồ 5, diện tích 2689,1 m², đất tọa lạc tại ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 118648 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp cho ông Lê Văn T vào ngày 24/7/2013 đối với thửa đất số 136, tờ bản đồ 5, diện tích 2356,7 m², đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn T chịu 2.200.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, ông T đã nộp xong.

Về án phí: Ông Lê Văn T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Do ông Lê Văn T là người cao tuổi đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm nên không phải hoàn trả lại.

Ủy ban nhân dân huyện C phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Thanh

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Lập – Kiều Thị Kim Dung

Nguyễn Phước Thanh